Cấp lớp:	Ngày Xử Lý:
	Trường: Tên Trường
	LEA: Tên LEA
Mã số Học Sinh (LEA) #:	Kiểm tra:

UALPA Utah Academic Language Proficiency Assessment

BÁO CÁO GỬI PHỤ HUYNH: 2011

Điểm Số Chung Theo Thang Điểm	Trình Độ Thành Thạo				
	1 Vỡ lòng	2 Sơ cấp	3 Tiên tiến	4 Mở rộng	5 Kết nối

Các Phần Kiểm Tra	Số Điểm Đạt Được	Số Điểm Có Thể	% Chính xác
Nói			%
Nghe			%
Đọc			%
Viết			%
Khả năng hiểu *			%
Tổng Kiểm Tra			%

* Khả năng hiểu là một sự kết hợp các nhóm câu hỏi phụ từ các phần Nghe và Đọc

Mô Tả Trình Độ Thành Thạo

Học sinh ở từng trình độ biết xử lý, hiểu, lập hoặc sử dụng:

Vỡ lòng (1) : ngôn ngữ học thuật bằng hình ảnh hoặc lược đồ, từ ngữ, các phát biểu đơn giản có bổ trợ, các câu hỏi có/không, lỗi trong ngôn ngữ nói hoặc viết làmảnh hưởng đến ý nghĩa.
Sơ cấp (2) : ngôn ngữ học thuật tổng quát, các cụm từ hoặc các câu ngắn; lỗi trong ngôn ngữ nói hoặc viết thường làm ảnh hưởng đến ý nghĩa.
Tiên tiến (3) : ngôn ngữ học thuật tổng quát và đặc thù, các câu dài hơn; lỗi trong ngôn ngữ nói hoặc viết có thể làm ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp, nhưng đảm bảo ý nghĩa.
Mở rộng (4) : ngôn ngữ học thuật đặc thù và kỹ thuật, câu có độ dài và tính phức tạp đa dạng; lỗi tối thiểu trong ngôn ngữ nói hoặc viết không làm ảnh hưởng đến ý nghĩa.
Kết nối (5) : ngôn ngữ học thuật chuyên ngành và/hoặc kỹ thuật, câu có độ dài và tính phức tạp đa dạng trong diễn ngôn dài hơn; ngôn ngữ nói hoặc viết gần bằng các bạn thành thạo tiếng Anh.

Lịch Sử Thi Đánh Giá

Năm Học / Ngày Xử Lý / Đánh Giá / Địa Điểm	Trình Độ Thành Thạo§ dựa trên Điểm Theo Thang Điểm (1 2 3 4 5)

§ Trước năm 2011, trình độ thành thạo dựa trên các mô tả khác nhau. Các trình độ xấp xỉ như sau: P≈1, E≈2, I≈3, A≈4, F≈5